| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **24**/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hồ Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

2. Ông Trương Ngọc Điệp

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 529/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Á; địa chỉ: Số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Đỗ Ngọc Anh T; chức vụ- Nhân viên xử lý nợ; địa chỉ liên lạc: Tầng H, tòa nhà A, 444A - D C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Á (A) (theo Giấy ủy quyền số 1838/UQ-QLN.24 ngày 17/12/2024), có mặt.

*2. Bị đơn*:

+ Ông Phạm Quang N, sinh năm 1988; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn C, Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2024 (nộp tại Tòa án ngày 04/6/2024) và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn bà Đỗ Ngọc Anh T trình bày:***

Giữa Ngân hàng TMCP Á (A)- Chi nhánh B với ông Phạm Quang N, bà Nguyễn Thị H đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022. Nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu;
- Lãi suất: Lãi suất trong hạn: 11%/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động- Bổ sung vốn kinh doanh tạp hóa, bia, sữa.
- Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất diện tích 511,1m$^2$, thửa đất số 233, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 286862, số vào sổ CS07009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Quang N ngày 16/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số BID.BĐCN.227.250422 ngày 10/5/2022.

Ngày 20/5/2022, ông N và bà H có Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân. Theo đó, A đã phát hành thẻ tín dụng cho ông N và bà H mới hạn mức tín dụng 50.000.000đ, loại thẻ: Thẻ tín dụng nội địa; lãi suất: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian trả nợ cũng như nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn không trả nên buộc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền tính đến ngày 24/01/2025 là 2.154.086.455 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022 và khế ước nhận nợ số 379741579 ngày 25/11/2022 là 2.108.279.330 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 44.506.849 đồng, lãi quá hạn 523.972.603 đồng, phạt chậm trả lãi 39.799.878 đồng.

+ Thẻ tín dụng: 45.807.125 đồng, trong đó: Nợ gốc 29.517.956 đồng, lãi quá hạn 16.241.892 đồng.

- Ngoài ra, ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H còn phải liên đới chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/01/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á (A) theo Hợp đồng cấp tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- Trong trường hợp ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Á (A) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất diện tích 511,1m$^2$, thửa đất số 233, tờ bản đồ số

6, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 286862, số vào sổ CS07009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Quang N ngày 16/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số BID.BĐCN.227.250422 ngày 10/5/2022 mà hai bên đã ký kết.

***- Bị đơn ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H:*** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại Thôn C, Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nhưng Ngân hàng TMCP Á- Chi nhánh B có địa chỉ tại C Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn phù hợp theo quy định điểm b khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa*: Bị đơn ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng hình thức đăng trên B1 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 26, 27,28 tháng 12 năm 2024 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (V) trong 03 ngày liên tiếp nhưng đến nay ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy*:

[3.1] Ngân hàng TMCP Á- Chi nhánh B và ông Phạm Quang N, bà Nguyễn Thị H đã Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022 và Hợp đồng thế

chấp tài sản số BID.BĐCN.227.250422 ngày 10/5/2022 được Văn phòng C và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T ngày 10/5/2022.

Ngày 25/11/2022, Ngân hàng TMCP Á đã giải ngân cho ông N và bà H số tiền vay 1.500.000.000[đ] theo khế ước nhận nợ ngày số 379741579 ngày 25/11/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do phía ông N, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đã được Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng cho đến nay vẫn không thực hiện.

Về phía bị đơn ông N và bà H đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng ông N, bà H không đến và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Xét thấy: Việc ông N và bà H ký Hợp đồng cấp tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP Á như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý. Do ông N và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP Á nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà H trả cho Ngân hàng TMCP Á tính đến ngày 24/01/2025 với số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 44.506.849 đồng, lãi quá hạn 523.972.603 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Đối với tiền lãi phạt chậm trả lãi 39.799.878 đồng, nguyên đơn xác định số tiền này được các bên thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022 là 10%/năm.

Xét thấy: Theo quy định quy khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khánh hàng thì "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì "*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn*", điều này cũng phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về trường hợp vay không phải là hợp đồng tín dụng "*Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Như vậy, việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi phạt chậm trả 10%/năm là hoàn toàn phù hợp với khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khánh hàng và phù hợp khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi 39.799.878 đồng là có căn cứ.

[3.3] Từ ngày 25/01/2025, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức tín

dụng số Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022 và khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong.

[3.4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng TMCP Á với ông N, bà H đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số BID.BĐCN.227.250422 ngày 10/5/2022 với các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 511,1m$^2$, thửa đất số 233, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 286862, số vào sổ cấp GCN CS07009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Quang N ngày 16/3/2022.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng C ngày 10/5/2022, số công chứng 5243, quyển số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T 10/5/2022 là phù hợp với quy định tại các Điều 298, 299, 318, 319 Bộ luật Dân sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, Điều 4 và Điều 9 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thì trên phần diện tích đất diện tích 511,1m$^2$, thửa đất số 233, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là đất trống nên trường hợp bà H và ông N không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3.5] Trường hợp ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H trả xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP Á có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 286862, số vào sổ cấp GCN CS07009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Quang N ngày 16/3/2022.

[4] Đối với dư nợ thẻ tín dụng 45.807.125 đồng, trong đó: Nợ gốc 29.517.956 đồng, lãi quá hạn 16.241.892 đồng: Xét thấy: Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/5/2022 thì A đồng ý cho ông N và bà H vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000$^đ$. Việc các bên ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/5/2022 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Theo như bảng sao kê tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/01/2025 mà ngân hàng đã cung cấp thì số tiền ông N và bà H đang còn nợ số tiền 45.807.125 đồng, trong đó: Nợ gốc 29.517.956 đồng, lãi quá hạn 16.241.892 đồng. Do ông N và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán là hoàn toàn phù hợp.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí:

+ Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là:

3.810.000đ, Ngân hàng phải chịu số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng đã nộp xong.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đ, bị đơn phải liên đới chịu số tiền trên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á tính đến ngày 24/01/2025 là 2.154.086.455 đồng (Hai tỷ một trăm năm mươi bốn triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng), trong đó:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022 và khế ước nhận nợ số 379741579 ngày 25/11/2022 là 2.108.279.330 đồng (Hai tỷ một trăm lẻ tám triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm ba mươi đồng), trong đó: Nợ gốc 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn 44.506.849 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn 523.972.603 đồng (Năm trăm hai mươi ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), phạt chậm trả lãi 39.799.878 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng).

+ Thẻ tín dụng: 45.807.125 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm lẻ bảy nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc 29.517.956 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm mười bảy nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn 16.241.892 đồng (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày 25/01/2025 đến khi thi hành án xong ông Phạm Quang N và bà

Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số BID.CN.2251.250422 ngày 10/5/2022; Khế ước nhận nợ số 379741579 ngày 25/11/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 20/5/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á với ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H.

- Trường hợp ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Á được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất diện tích 511,1m$^2$, thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 286862, số vào sổ cấp GCN CS07009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Quang N ngày 16/3/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số BID.BĐCN.227.250422 ngày 10/5/2022 mà hai bên đã ký kết

- Trường hợp ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Á có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 286862, số vào sổ cấp GCN CS07009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Phạm Quang N ngày 16/3/2022.

2. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Á phải chịu số tiền là 3.810.000đồng (Ba triệu tám trăm mười nghìn đồng) được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.000.000đồng (Ba triệu đồng), ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền trên để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á do Ngân hàng TMCP Á đã nộp tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

3. Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Phạm Quang N và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền 75.082.000đồng (Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

+ Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 34.911.000đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm mười một nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số 0004630, ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Hằng**